

Số: 1331/TCT- CS
V/v sử dụng chứng từ đối với
dịch vụ đấu giá tài sản

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Cục Thuế TP Hà Nội

Trả lời công văn số 52993/CT-TTHT ngày 07/8/2017 của Cục Thuế TP Hà Nội đề nghị hướng dẫn áp dụng biên lai và hóa đơn của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp TP Hà Nội), Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Theo quy định tại Thông tư số 335/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 335/2016/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản.

2. Tổ chức, cá nhân có tài sản bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản phải nộp phí đấu giá tài sản cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, trừ trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ.”

+ Tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 335/2016/TT-BTC quy định:

“Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

Việc quản lý và sử dụng phí được thực hiện như sau:

.....
4. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).”

- Theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2017):

+ Tại Điều 1 Luật Đấu giá tài sản quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản; đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản; xử lý vi phạm, hủy kết quả đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại; quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.”

+ Tại Điều 66 Luật Đấu giá tài sản quy định:

“Điều 66. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản

1. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản. Trường hợp đấu giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này thì thù lao dịch vụ đấu giá được xác định theo cơ chế giá dịch vụ theo khung do Bộ Tài chính quy định.

2. Chi phí đấu giá tài sản bao gồm chi phí niêm yết, thông báo công khai, chi phí thực tế hợp lý khác cho việc đấu giá tài sản do người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản thỏa thuận.”

+ Tại Khoản 1 Điều 68 Luật Đấu giá tài sản quy định:

“Điều 68. Quản lý, sử dụng thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản, chi phí dịch vụ và các khoản thu khác

1. Việc quản lý, sử dụng thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản, chi phí dịch vụ và các khoản thu khác của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập có thu.”

- Theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản quy định:

+ Tại Điều 1 Thông tư số 45/2017/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật đấu giá tài sản.”

+ Tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 45/2017/TT-BTC quy định:

“Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017; Thông tư này thay thế Thông tư số 335/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản; bãi bỏ Điều 13 Thông

tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.”

+ Tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 45/2017/TT-BTC quy định:

“Điều 4. Quản lý và sử dụng thù lao dịch vụ đấu giá tài sản

.....

3. Tổ chức đấu giá tài sản sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

Căn cứ các quy định trên, Tổng cục Thuế nhất trí với đề xuất của Cục Thuế TP Hà Nội tại công văn số 52993/CT-TTHT ngày 07/8/2017, cụ thể: Đối với các khoản phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản phát sinh trước ngày 01/7/2017 thì Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp TP Hà Nội) sử dụng Biên lai thu phí. Đối với các khoản thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phát sinh từ sau ngày 01/7/2017 theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC thì Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp Hà Nội) sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế TP Hà Nội biết./ *nhh*

Nơi nhận:

- Như trên: *nhh*
- Vụ CST-BTC;
- Vụ PC-BTC;
- Vụ PC-TCT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).g

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn